

QUYẾT ĐỊNH

Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp cấp phép, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam của Viện nghiên cứu vì sự phát triển Pháp tại Công hàm số 2024-0006688 ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam; Công văn số 263/VHL-HTQT ngày 15 tháng 02 năm 2024 và số 34/VHL-HTQT-tm ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Viện nghiên cứu vì sự phát triển Pháp (Institut de Recherche pour le Développement) và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam được sử dụng Tàu O.R.V. ANTEA để tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam.

a) Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu: Củng cố và tăng cường hợp tác quốc tế về nghiên cứu biển và đào tạo cán bộ nghiên cứu về biển Nghiên cứu đánh giá vật chất vận chuyển từ lục địa (river plume) và ảnh hưởng của chúng đến môi trường, các hệ sinh thái vùng biển ven bờ Việt Nam.

b) Nội dung chính của hoạt động nghiên cứu:

- Đo đạc khảo sát các yếu tố hải dương học: độ sâu, dòng chảy, nhiệt độ, độ muối, cấp hạt trầm tích lơ lửng, độ đục;

- Lấy các mẫu nước để phân tích hàm lượng trầm tích lơ lửng, vi nhựa trong nước, trứng cá/cá con trong nước, xác định thành phần/mật độ coliform trong nước, xác định một số chất gây ô nhiễm trong nước (PAH, các chất hữu cơ, dinh dưỡng hòa tan), muối than trong nước;

- Lấy các mẫu trầm tích đáy để xác định hàm lượng muối than trong trầm tích, một số chất gây ô nhiễm trong trầm tích (PAHs, dinh dưỡng, hữu cơ), và sinh quần xã sinh vật đáy thân mềm;

- Phân tích các mẫu nước, trầm tích, sinh vật;

- Nghiên cứu vận chuyển vật chất vận chuyển từ lục địa (river plume) và ảnh hưởng của chúng đến các hệ sinh thái vùng biển ven bờ Việt Nam;

- Nghiên cứu sự tích lũy của các chất ô nhiễm hữu cơ (PAHs, BC), vi sinh vật kháng kháng sinh và sinh vật chỉ thị tại cửa sông và biển ven bờ Việt Nam;

- Nghiên cứu sự hiện diện và vận chuyển của vi nhựa trong môi trường nước vùng ven bờ Việt Nam.

c) Vị trí, tọa độ khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu:

Khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên - Huế, Tp. Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Định, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng (chi tiết vị trí, tọa độ từ Phụ lục 3 đến Phụ lục 17).

d) Phương pháp nghiên cứu; phương tiện, thiết bị nghiên cứu:

- Phương pháp nghiên cứu: Thu mẫu bằng thiết bị đo đạc chuyên dụng được lắp đặt trên tàu; thả trôi các thiết bị theo dòng nước; lấy mẫu nước và đo theo các tầng (tầng mặt, giữa, đáy); lấy các mẫu trầm tích bằng gầu Ekman.

- Phương tiện nghiên cứu: Tàu nghiên cứu O.R.V. ANTEA, quốc tịch: Cộng hòa Pháp, số đăng ký (IMO / MMSI): 9128506 / 228111000 (*Thông tin chi tiết của tàu kèm theo hồ sơ xin cấp phép*).

- Thiết bị nghiên cứu: Máy đo dòng chảy ADCP; Máy đo sâu hồi âm EK60 Simad; Máy CTD SeaBird SBE21; Máy đo LISST-100X; Các phao chuyên dụng gắn định vị vệ tinh và bộ phát tín hiệu xác định vị trí; Thiết bị đo quang học; Máy đo SubOcean MILS và LI-COR; Các thiết bị lấy mẫu nước chuyên dụng (như Niskin bottle, GO-FLO, bơm Teflon ASTI, bơm Mc Lane...); Đầu dò đa thông số Aqualab, thông số Hydrolab; Thiết bị đo đa thông số Turner Designs C6; Lưới sinh vật phù du, hệ thống sàng và lọc; Lưới Manta; Thiết bị lấy mẫu trầm tích Ekman.

đ) Lịch trình nghiên cứu:

Thực hiện khảo sát ở khu vực ven biển Bắc Bộ (*Sơ đồ, tọa độ chi tiết vị trí khảo sát kèm theo: Phụ lục: 3, 4, 5, 10, 11, 12, 13*), khu vực ven biển Miền Trung (*Sơ đồ, tọa độ chi tiết vị trí khảo sát kèm theo: Phụ lục 6, 14*); kết thúc khảo sát ngày 10/6/2024;

Thực hiện khảo sát khu vực phía nam (*Sơ đồ, tọa độ chi tiết vị trí khảo sát kèm theo: Phụ lục 7, 8, 9, 15, 16, 17*) từ ngày 17/6/2024 đến ngày 08/7/2024;

Ngày 13/7/2024: rời cảng Sài Gòn.

e) Các cảng đến và đi:

- Cảng đến: Cảng Hải Phòng.

- Cảng đi: Cảng Sài Gòn.

g) Tên, quốc tịch của các thành viên, nhà khoa học nước ngoài; tên của các thành viên, nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu:

Tổng số: 35 người, trong đó:

- Số các thành viên, nhà khoa học nước ngoài tham gia: 16 người;

- Số thành viên, nhà khoa học Việt Nam: 19 người (bao gồm 01 nhà khoa học của Quân chủng Hải quân, Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 41/2016/NĐ-CP của Chính phủ).

Phụ lục 01: Danh sách các cán bộ khoa học phía Việt Nam tham gia chuyến khảo sát trên tàu ANTEA.

Phụ lục 02: Danh sách các nhà khoa học phía Viện nghiên cứu vì sự phát triển Pháp tham gia chuyến khảo sát trên tàu nghiên cứu ANTEA.

h) Thời hạn nghiên cứu:

- Từ ngày Quyết định có hiệu lực đến ngày 13 tháng 7 năm 2024.

Điều 2. Viện nghiên cứu vì sự phát triển Pháp và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam có trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng các nội dung trong Hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

b) Tuân thủ đúng các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

c) Tuân thủ đúng quy định về công bố và chuyển giao thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định tại Điều 21 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

d) Tuân thủ đúng quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

đ) Có trách nhiệm thông báo cho các cơ quan, đơn vị liên quan: Quân chủng Hải quân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam về thời gian, kế hoạch hoạt động cụ thể, tần số liên lạc, hô hiệu của Tàu nghiên cứu O.R.V. ANTEA hoạt động trong các vùng biển Việt Nam để các cơ quan, đơn vị biết, triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

e) Thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và khai báo y tế theo các quy định hiện hành của Bộ Y tế và địa phương;

g) Thuyền trưởng của tàu chịu trách nhiệm an toàn hàng hải và các quy định pháp luật Việt Nam;

h) Tuân thủ đúng địa điểm, vị trí tọa độ, hành trình của chuyến khảo sát theo đúng sơ đồ cấp phép và không được sử dụng vật liệu nổ, hóa chất độc để nghiên cứu.

i) Tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh của Việt Nam; không được đi qua và hoạt động trong khu vực cảng, vùng nước trước cầu cảng quân sự, công trình chiến đấu phòng thủ hiện hữu, công trình quốc phòng, các khu vực huấn luyện, diễn tập quân sự và các khu vực dành cho quân sự theo văn bản số Văn bản số 1133/BQP-TM ngày 29/3/2024 của Bộ Quốc phòng.

k) Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam tại Công văn số 34/VHL-HTQT-tm ngày 04 tháng 5 năm 2024; làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ cho các cán bộ Việt Nam được giao nhiệm vụ phối hợp nghiên cứu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Viện nghiên cứu vì sự phát triển Pháp và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Quân chủng Hải quân (Bộ Quốc phòng) chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để báo cáo);
- Các Bộ: Quốc phòng, Ngoại giao, Công an, KH&CN, Công Thương, GTVT;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên - Huế, Tp. Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Định, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng;
- ĐSQ Pháp tại Việt Nam;
- Các Vụ: HTQT, KHCN (Bộ TN&MT);
- Lưu: VT, BHHVN.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Lê Minh Ngân

**Phụ lục 01: Danh sách các thành viên, nhà khoa học phía Việt Nam
tham gia chuyến khảo sát trên tàu ANTEA**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ TNMT về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)*

TT	Họ và tên	Số CCCD	Năm sinh	Đơn vị công tác
1	Vũ Duy Vĩnh	031078007369	1978	Viện Tài nguyên và Môi trường biển, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
2	Nguyễn Minh Hải	031185004929	1985	
3	Nguyễn Đức Thế	030084001311	1984	
4	Trần Xuân Lâm	030080006026	1980	
5	Nguyễn Thanh Dương	017198000296	1998	
6	Nguyễn Đức Thịnh	015088002914	1988	Viện Hải dương học
7	Bùi Văn Hoi	034083004782	1983	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội
8	Vũ Toàn Khánh	001099024828	1999	
9	Vũ Cẩm Tú	034186011884	1986	
10	Nguyễn Quang Huy	001085017618	1985	
11	Trần Mạnh Quân	001099005769	1999	
12	Nguyễn Đăng Quang	001097013840	1997	Viện KHCN Năng lượng và Môi trường
13	Trần Công Hải	024084008214	1984	
14	Dương Tuấn Mạnh	001098027017	1988	Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh
15	Nguyễn Văn Tú	079090006801	1990	
16	Lê Thị Minh Tâm	079182004343	1982	
17	Nguyễn Trường An	025164334	1993	
18	Kiều Lê Thủy Chung	075178000479	1978	Quân chủng Hải quân, Bộ Quốc phòng
19	Nhà khoa học được cử theo Công văn số 1133/BQP-TM ngày 29/03/2024 của Bộ Quốc phòng			

**Phụ lục 02: Danh sách các thành viên, nhà khoa học phía Pháp tham gia
chuyến khảo sát trên tàu nghiên cứu ANTEA**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ TNMT về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)*

STT	Họ và tên	Quốc tịch	Số hộ chiếu	Ngày hết hạn	Nhiệm vụ
1	Sylvain OUILLON	Pháp	15FV022354	13/5/2025	Khoa học trưởng (Trưởng đoàn)
2	Marc TEDETTI	Pháp	22AF99904	08/02/2032	Phó đoàn
3	Deny MALENGROS	Pháp	15AK33058	16/3/2025	Nhà khoa học
4	Nagib BHAIRY	Pháp	21AH22269	18/4/2031	Nhà khoa học
5	Alexei SENTCHEV	Pháp	18DI034757	13/6/2028	Nhà khoa học
6	Sandrine CHIFFLET	Pháp	19CA41086	14/3/2029	Nhà khoa học
7	Lucie GOURDON	Pháp	17ED889064	26/9/2027	Nhà khoa học
8	Julien NEMERY	Pháp	16DT31483	06/7/2026	Nhà khoa học
9	Roberto GRILLI	Italia	YA9830892	07/6/2026	Nhà khoa học
10	Cécile CARPANETO	Tây Ban Nha	PAR227076	02/6/2028	Nhà khoa học
11	Jean-Christophe AUGUET	Pháp	23D124245	11/4/2033	Nhà khoa học
12	Marine HERRMANN	Pháp	19KR634149	13/6/2029	Nhà khoa học
13	Emilie STRADY	Pháp	22E123496	26/7/2032	Nhà khoa học
14	Pauline Martinot	Pháp	22DA58803	03/5/2032	Nhà khoa học
15	Aurélie Dufour	Pháp	23HF50696	01/8/2033	Nhà khoa học
16	Martine Rodier	Pháp	23AZ65070	04/12/2033	Nhà khoa học

Phụ lục 3. Tọa độ vị trí khảo sát khu vực ven biển đông bắc Bắc Bộ
(Kinh độ, vĩ độ theo chuẩn quốc tế WGS84)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ TNMT về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)

STT	Kí hiệu điểm	Vĩ độ (°N)	Kinh độ (°E)	Ghi chú
1	N2	20.834	106.815	Khu vực cửa sông Cấm - Bạch Đằng (Hải Phòng)
2	N3	20.810	106.837	
3	N4	20.818	106.901	Cửa Lạch Huyện (Hải Phòng)
4	N5	20.765	106.957	Ven bờ phía nam quần đảo Cát Bà (Hải Phòng)
5	N6	20.692	107.056	
6	N7	20.727	107.110	
7	N8	20.818	107.104	Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh)
8	N9	20.845	107.057	
9	N10	20.894	107.046	
10	N11	20.944	107.066	Phía ngoài vịnh Cửa Lục (Quảng Ninh)
11	N13	20.800	107.155	Phía đông quần đảo Cát Bà (Hải Phòng - Quảng Ninh)
12	N14	20.743	107.163	
13	N15	20.678	107.133	
14	N16	20.639	107.032	Phía Nam quần đảo Cát Bà (Hải Phòng)

Phụ lục 4. Tọa độ vị trí khảo sát khu vực ven biển Bắc Bộ

(Kinh độ, vĩ độ theo chuẩn quốc tế WGS84)

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ TNMT về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)*

STT	Kí hiệu điểm	Vĩ độ (°N)	Kinh độ (°E)	Ghi chú
1	N17	20.531	106.830	Vùng biển phía ngoài cửa Vân Úc (Hải Phòng)
2	N18	20.586	106.791	
3	N19	20.621	106.760	
4	N20	20.649	106.736	
5	N24	20.678	106.706	
6	N25	20.593	106.709	Phía ngoài cửa Thái Bình (Hải Phòng - Thái Bình)
7	N26	20.533	106.730	
8	N27	20.484	106.764	Phía ngoài cửa Trà Lý (Thái Bình)
9	N28	20.496	106.701	
10	N29	20.477	106.669	
11	N30	20.459	106.630	
12	N31	20.367	106.773	Phía ngoài bãi biển Đồng Châu (Thái Bình)
13	N32	20.370	106.726	
14	N33	20.370	106.682	
15	N34	20.369	106.640	
16	N35	20.196	106.754	Phía ngoài cửa Ba Lạt (Thái Bình - Nam Định)
17	N36	20.202	106.699	
18	N37	20.207	106.663	
19	N38	20.220	106.621	
20	N39	20.229	106.600	
21	N40	20.254	106.584	

Phụ lục 5. Tọa độ vị trí các điểm khảo sát Lagrangian phía Bắc

(Kinh độ, vĩ độ theo chuẩn quốc tế WGS84)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ TNMT về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)

STT	Kí hiệu điểm	Vĩ độ (°N)	Kinh độ (°E)	Ghi chú
1	LN1	20.658	106.752	Phía ngoài cửa Văn Úc (Hải Phòng)
2	LN2	20.649	106.768	
3	LN3	20.641	106.785	
4	LN4	20.688	106.840	Khu vực ven bờ Đồ Sơn (Hải Phòng)
5	LN5	20.741	106.905	Cửa Nam Triệu - phía nam đảo Cát Bà (Hải Phòng)
6	LN6	20.669	106.948	
7	LN7	20.687	107.000	Phía ngoài cửa Lạch Huyện (Hải Phòng)
8	LN8	20.659	107.062	Phía nam quần đảo Cát Bà (Hải Phòng)
9	LN9	20.590	107.023	Vùng biển phía đông nam bán đảo Đồ Sơn (Hải Phòng)
10	LN10	20.592	106.951	
11	LN11	20.584	106.852	
12	LN12	20.586	106.729	Phía ngoài cửa Thái Bình (Hải Phòng - Thái Bình)
13	LN13	20.569	106.692	
14	LN14	20.541	106.666	Vùng biển phía nam và đông nam bán đảo Đồ Sơn, cách bán đảo Đồ Sơn khoảng 16km về phía đông Nam và 20km về phía tây nam (Hải Phòng - Thái Bình)
15	LN15	20.550	106.754	
16	LN16	20.517	106.780	
17	LN17	20.539	106.898	
18	LN18	20.553	106.976	

Phụ lục 6. Tọa độ vị trí khảo sát ở khu vực ven biển Miền Trung

(Kinh độ, vĩ độ theo chuẩn quốc tế WGS84)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ TNMT về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)

STT	Kí hiệu điểm	Vĩ độ (°N)	Kinh độ (°E)	Ghi chú
1	T1	19.769	106.017	Phía ngoài cửa sông Mã (Thanh Hóa)
2	T2	19.773	105.980	
3	T3	19.779	105.942	
4	T4	18.760	105.849	Phía ngoài cửa Hội (Nghệ An - Hà Tĩnh)
5	T5	18.764	105.809	
6	T6	18.769	105.770	
7	T7	16.580	107.703	Phía ngoài cửa Thuận An (Thừa Thiên - Huế)
8	T8	16.579	107.663	
9	T9	16.577	107.625	
10	T10	16.209	108.306	Cửa vịnh Đà Nẵng (Tp. Đà Nẵng)
11	T11	16.197	108.268	
12	T12	16.185	108.231	
13	T13	15.877	108.474	Phía ngoài cửa Đại (Quảng Nam)
14	T14	15.876	108.437	
15	T15	15.874	108.399	
16	T16	13.706	109.292	Phía ngoài vịnh Quy Nhơn (Bình Định)
17	T17	13.729	109.261	
18	T18	13.753	109.233	

**Phụ lục 7. Tọa độ vị trí các điểm khảo sát khu ven biển
Tiền Giang- Thành phố Hồ Chí Minh**

(Kinh độ, vĩ độ theo chuẩn quốc tế WGS84)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ TNMT về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)

STT	Kí hiệu điểm	Vĩ độ (°N)	Kinh độ (°E)	Ghi chú
1	S22	10.375	106.819	Phía ngoài cửa Sông Sài Gòn (Tiền Giang - TP. Hồ Chí Minh)
2	S23	10.321	106.831	
3	S24	10.299	106.886	
4	S25	10.245	106.923	

Phụ lục 8. Tọa độ vị trí các điểm khảo sát Lagrangian phía Nam

(Kinh độ, vĩ độ theo chuẩn quốc tế WGS84)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ TNMT về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)

STT	Kí hiệu điểm	Vĩ độ (°N)	Kinh độ (°E)	Ghi chú
1	LS1	10.034	106.859	Khu vực ven bờ sông Mê Kông, điểm xa nhất về phía Đông (LS18, cách cửa Hàm Luông 86km về phía Đông) Điểm xa nhất về phía Nam, cách bờ Sóc Trăng khoảng 97km về phía Đông.
2	LS2	9.983	107.072	
3	LS3	9.990	107.234	
4	LS4	9.972	107.358	
5	LS5	9.536	107.222	
6	LS6	9.577	107.065	
7	LS7	9.628	106.887	
8	LS8	9.662	106.698	
9	LS9	9.350	106.584	
10	LS10	9.243	106.682	
11	LS11	9.126	106.809	
12	LS12	9.035	106.861	
13	LS13	8.949	106.957	
14	LS14	9.140	107.061	
15	LS15	9.228	107.211	
16	LS16	9.357	107.311	
17	LS17	9.486	107.401	
18	LS18	9.699	107.424	

Phụ lục 9. Tọa độ vị trí khảo sát khu vực ven biển Nam Bộ

(Kinh độ, vĩ độ theo chuẩn quốc tế WGS84)

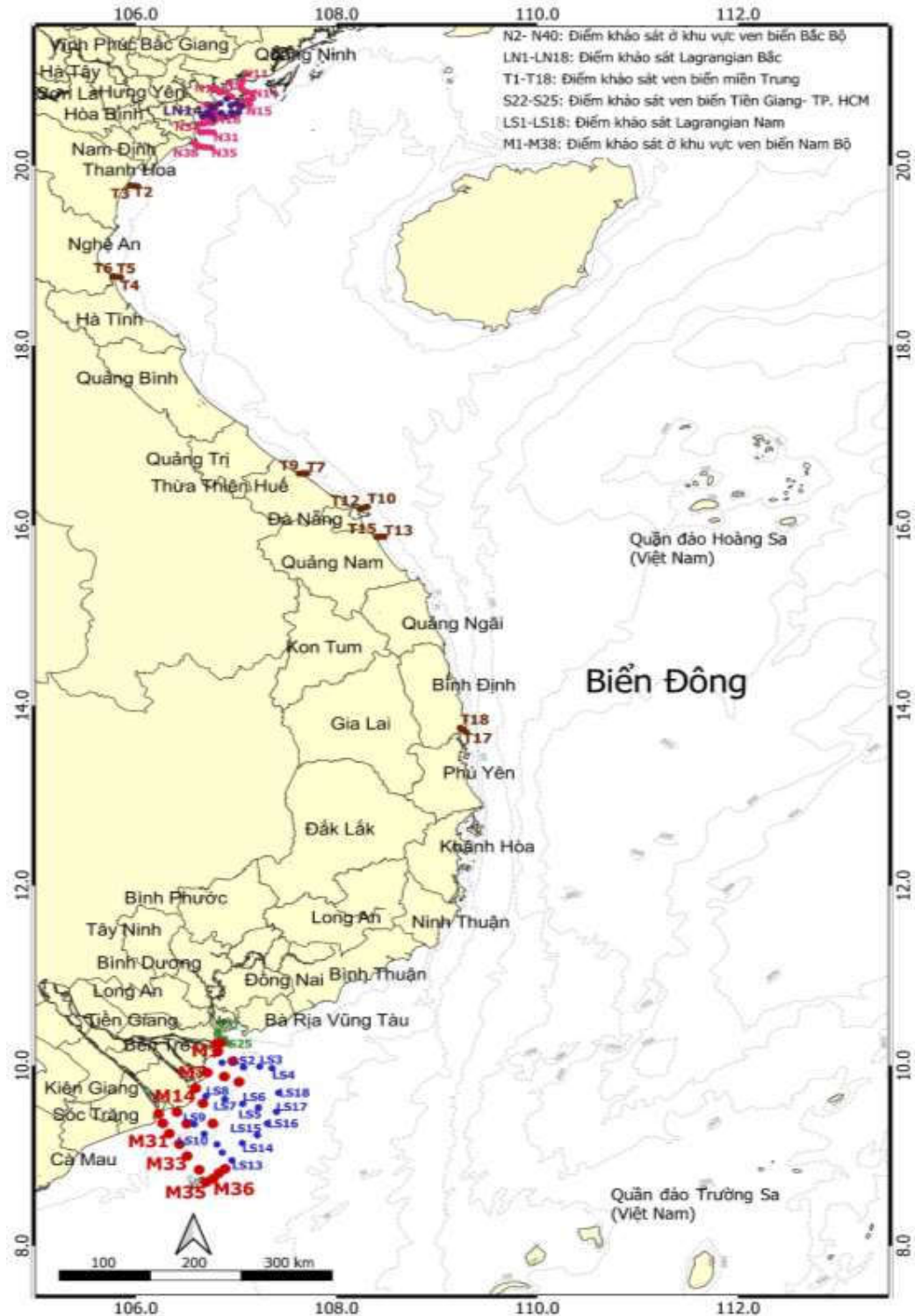
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ TNMT về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)

ST T	Kí hiệu điểm	Vĩ độ (°N)	Kinh độ (°E)	Ghi chú
1	M1	10.253	106.845	Vùng biển phía ngoài Cửa Tiểu (Tiền Giang - Bến Tre)
2	M2	10.238	106.802	
3	M3	10.159	106.817	Vùng biển phía ngoài Cửa Đại (Bến Tre)
4	M4	10.050	106.968	Vùng biển ven bờ phía ngoài Thới Thuận (Bến Tre)
5	M5	9.820	107.028	Vùng biển ven bờ phía ngoài cửa Hàm Luông (Bến Tre)
6	M6	9.880	106.882	
7	M7	9.923	106.713	
8	M14	10.034	107.072	Vùng biển phía ngoài cửa Cổ Chiên và cửa sông Hậu (Sóc Trăng - Trà Vinh)
9	M15	9.372	106.817	
10	M16	9.489	106.748	
11	M17	9.356	106.508	
12	M18	9.485	106.410	Phía ngoài cửa sông Hậu, phía Trà Vinh (Trà Vinh)
13	M29	9.465	106.228	Phía ngoài cửa Trần Đề (Sóc Trăng)
14	M30	9.361	106.269	Vùng biển phía ngoài cửa Trần Đề, giữa cửa Trần Đề và Côn Đảo (Sóc Trăng - Bà Rịa Vũng Tàu)
15	M31	9.246	106.334	
16	M32	9.128	106.436	
17	M33	8.997	106.512	
18	M34	8.844	106.631	
19	M35	8.708	106.703	Vùng biển phía đông bắc Côn Đảo Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu)
20	M36	8.745	106.771	
21	M37	8.808	106.828	
22	M38	8.855	106.890	

Phụ lục 10. Sơ đồ tổng thể các tuyến khảo sát dự kiến

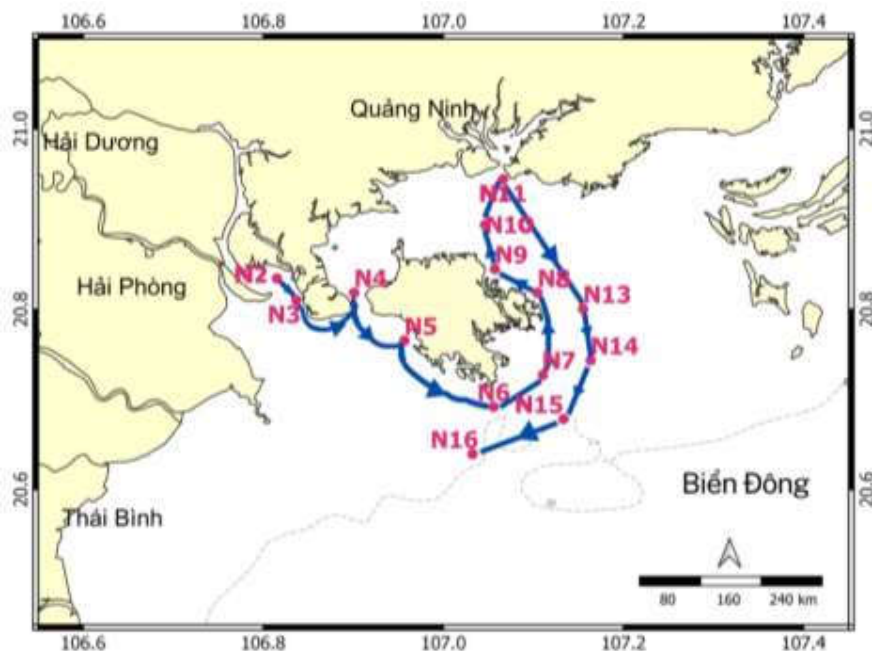
(Lưới chiếu theo chuẩn quốc tế WGS84)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ TNMT về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)



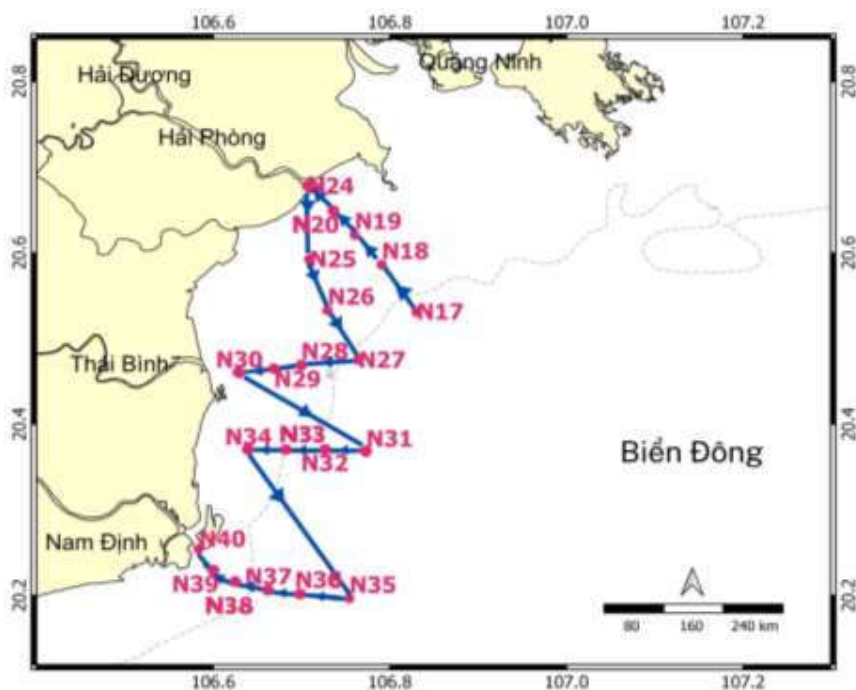
Phụ lục 11. Sơ đồ chi tiết vị trí khảo sát ở khu vực ven biển đông bắc Bắc Bộ
(Lưới chiếu theo chuẩn quốc tế WGS84)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ TNMT về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)



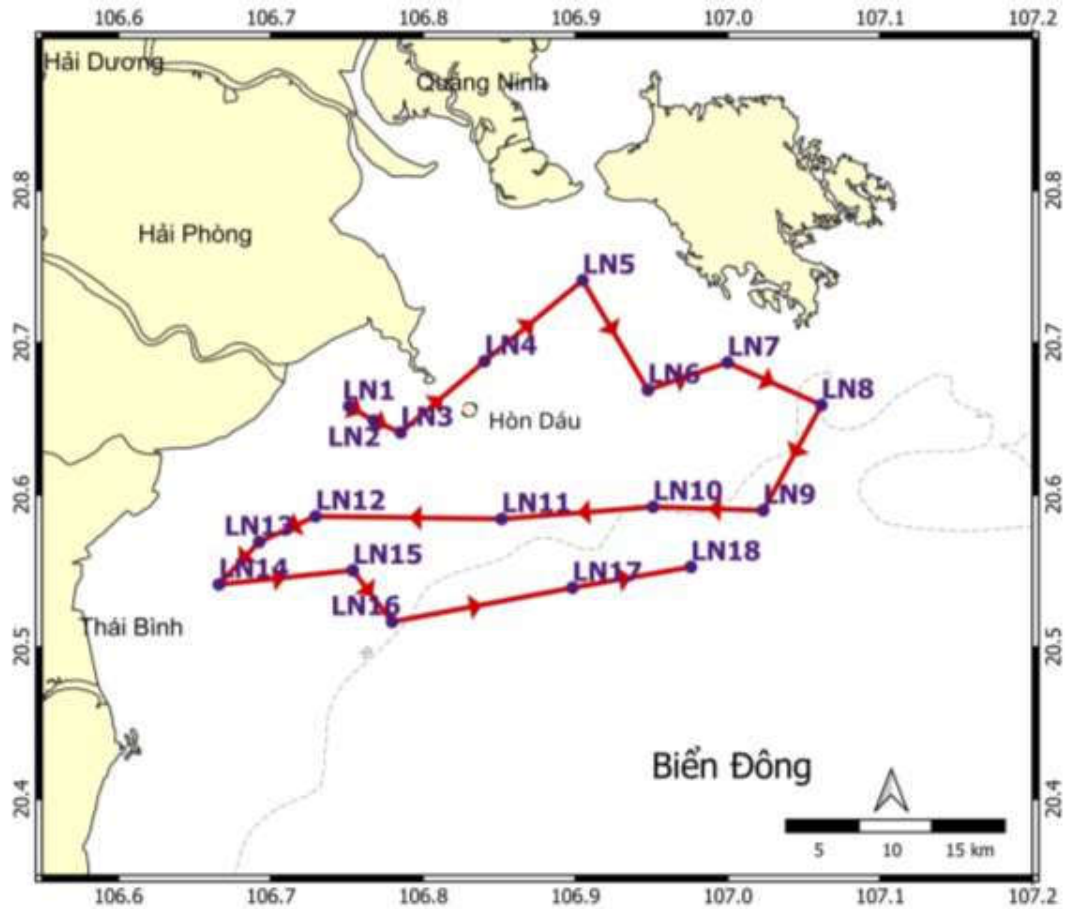
Phụ lục 12. Sơ đồ chi tiết vị trí khảo sát ở khu vực ven biển Bắc Bộ
(Lưới chiếu theo chuẩn quốc tế WGS84)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ TNMT về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)



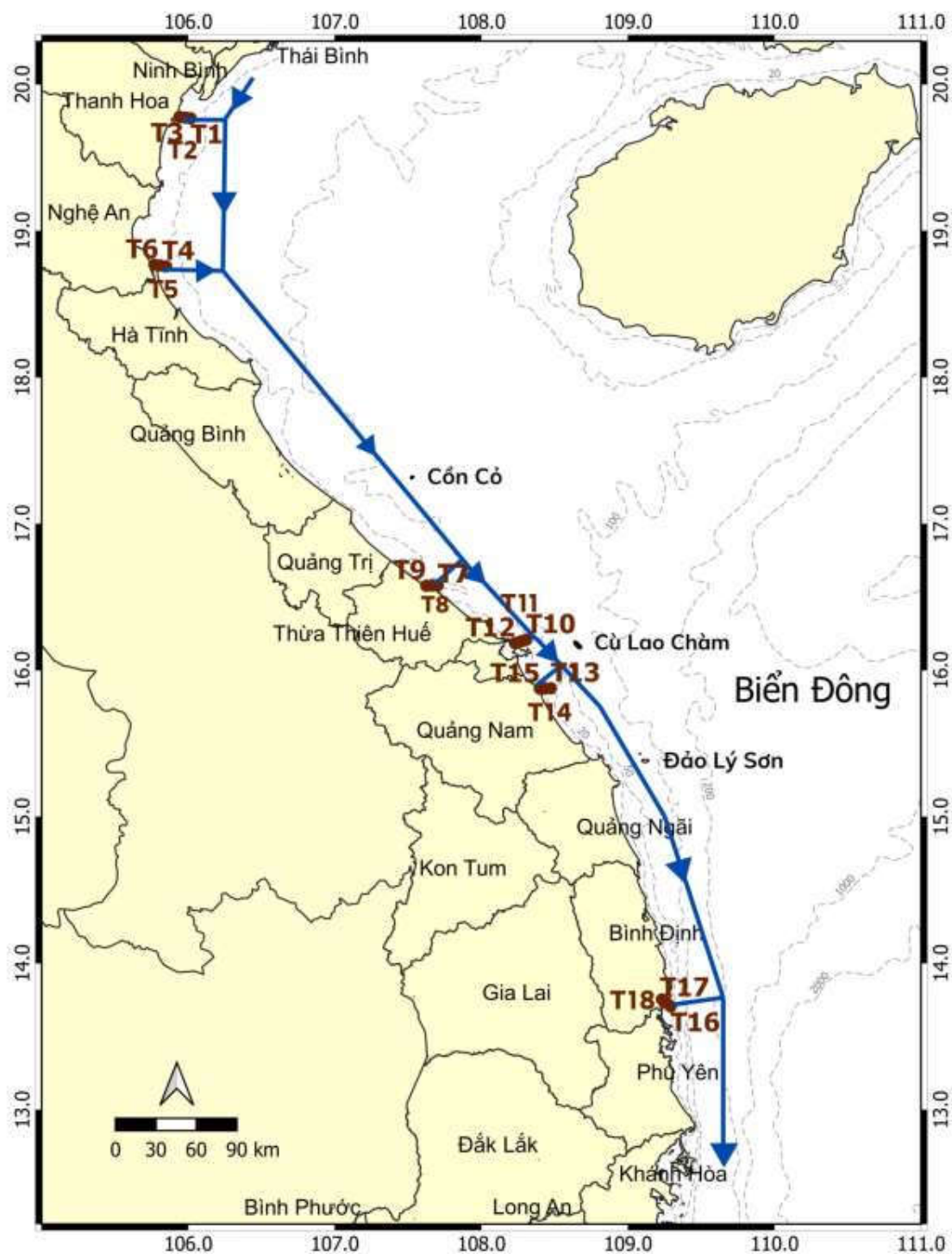
Phụ lục 13. Sơ đồ chi tiết vị trí khảo sát Lagrangian ở khu vực phía Bắc
(Lưới chiếu theo chuẩn quốc tế WGS84)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ TNMT về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)



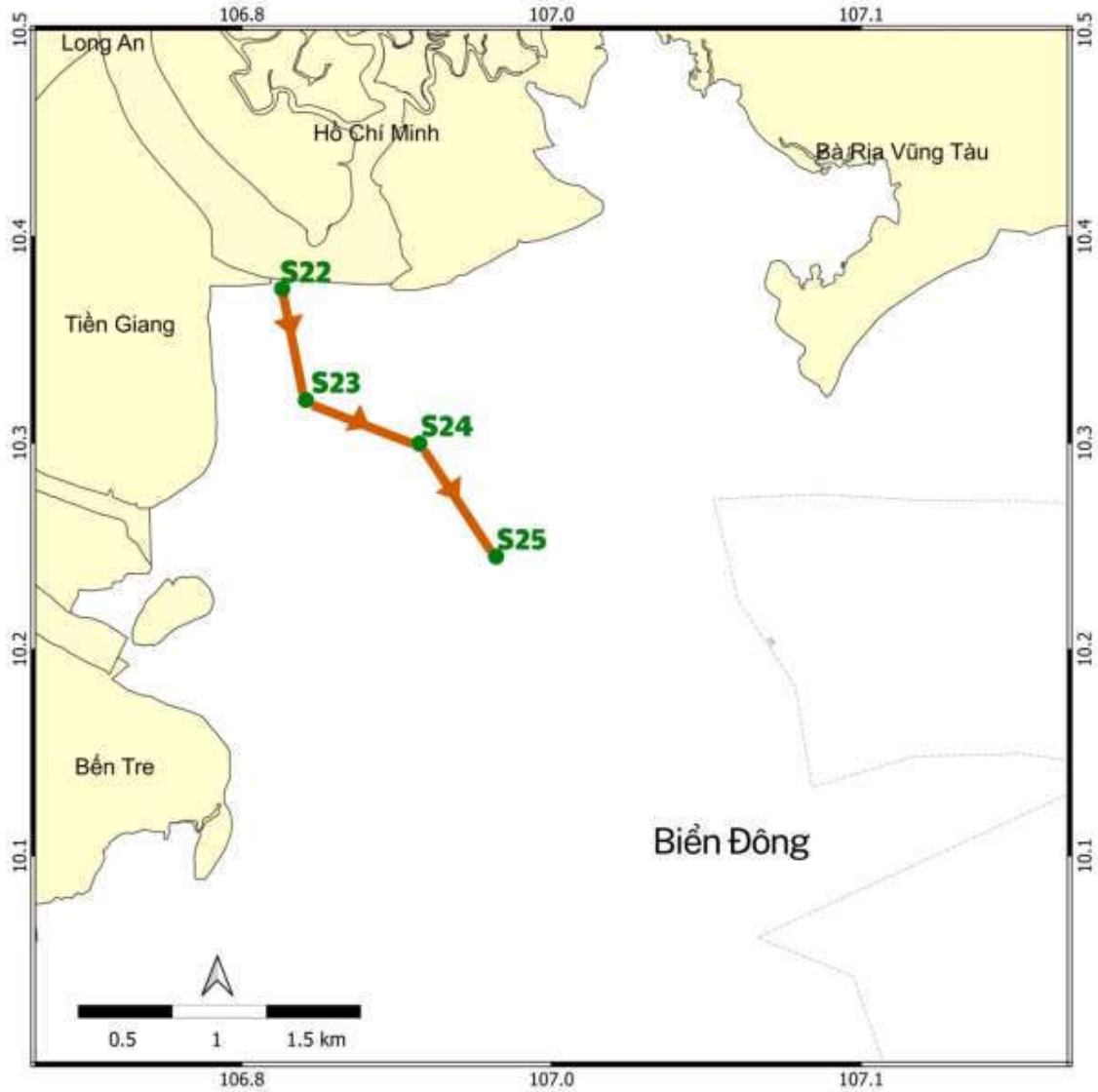
Phụ lục 14. Sơ đồ chi tiết vị trí khảo sát ở khu vực ven biển Miền Trung
(Lưới chiếu theo chuẩn quốc tế WGS84)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ TNMT về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)



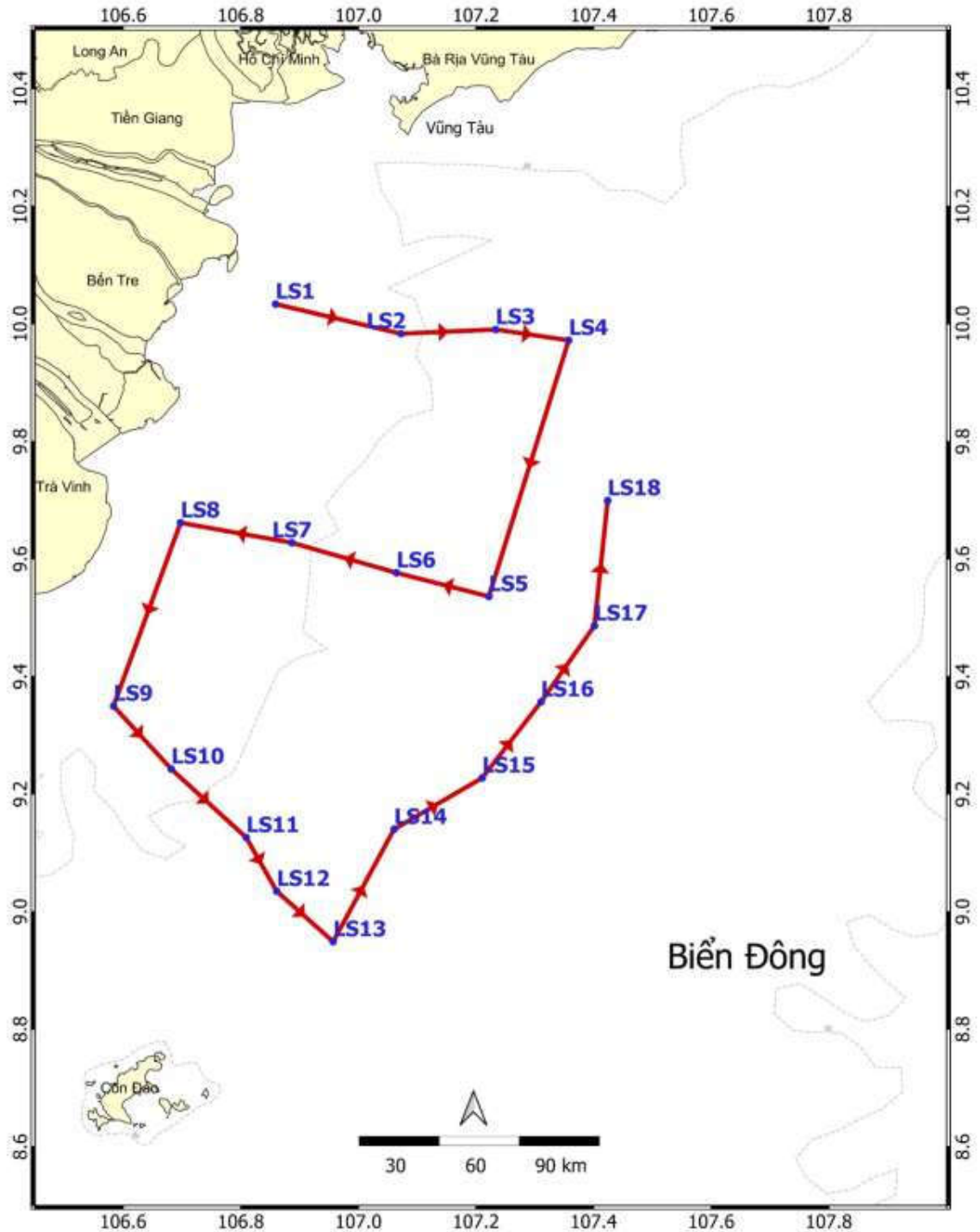
**Phụ lục 15. Sơ đồ chi tiết vị trí khảo sát khu vực ven biển
Tiền Giang - Thành phố Hồ Chí Minh**
(Lưới chiếu theo chuẩn quốc tế WGS84)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ TNMT về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)



Phụ lục 16. Sơ đồ chi tiết vị trí khảo sát Lagrangian ở khu vực phía Nam
(Lưới chiếu theo chuẩn quốc tế WGS84)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ TNMT về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)



Phụ lục 17. Sơ đồ chi tiết vị trí khảo sát ở khu vực ven biển Nam Bộ

(Lưới chiếu theo chuẩn quốc tế WGS84)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ TNMT về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)

